

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG

Số: 89 /GPMT-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tiền Giang, ngày 25 tháng 4 năm 2025

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Công ty TNHH May mặc King Hamm Industrial tại Văn bản số 01/CV-GPMT ngày 28/9/2024; Văn bản số 02/CVMT-KH ngày 20/03/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1606/TTr-SNNMT ngày 22 tháng 4 năm 2025.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH May mặc King Hamm Industrial; địa chỉ: lô AI, Khu công nghiệp (KCN) Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Công ty TNHH May mặc King Hamm Industrial tại lô AI, KCN Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của cơ sở

a) Tên cơ sở: Công ty TNHH May mặc King Hamm Industrial.

b) Địa điểm hoạt động: lô AI, KCN Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

c) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 2126266036 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Tiền Giang chứng nhận lần đầu ngày 15/08/2011, chứng nhận thay đổi lần thứ 11 ngày 25/11/2019.

d) Mã số thuế: 1201183796.

đ) Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất và gia công hàng may mặc.

e) Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: lô AI, KCN Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Quy mô: cơ sở thuộc nhóm B có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, tổng mức đầu tư khoảng 227.600.000.000 đồng.

- Công suất: 3.600.000 sản phẩm/năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường**

a) Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

b) Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

c) Đảm bảo giá trị giới hạn tối đa về tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

d) Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

đ) Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH May mặc King Hamm Industrial được cấp giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH May mặc King Hamm Industrial có trách nhiệm:

a) Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

b) Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

d) Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

đ) Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký giấy phép môi trường.

**Điều 4.** Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *muon*

**Nơi nhận:**

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Ban Quản lý các KCN tỉnh;
- UBND huyện Châu Thành;
- Công ty Cổ phần Nhựt Thành Tân;
- Cty TNHH May mặc King Hamm Industrial;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP, các Phòng nghiên cứu;
- Lưu: VT, Nguyên. *5 B*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *muon*  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*Phạm Văn Trọng*

**Phụ lục 1**  
**YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI**  
**THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 89/GPMT-UBND  
ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

Nước thải của cơ sở được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp (KCN) Tân Hương, theo Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 20/HĐXLNT-NTT ngày 04/09/2013 giữa Công ty TNHH May mặc King Hamm Industrial với Công ty Cổ phần Nhựa Thành Tân.

**1. Nguồn phát sinh nước thải**

Các nguồn nước thải phát sinh của cơ sở bao gồm:

- Nguồn số 1: nước thải sinh hoạt từ các khu nhà vệ sinh. Lưu lượng tối đa: khoảng 80,16 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Nguồn số 2: nước thải từ quá trình nấu ăn. Lưu lượng tối đa: khoảng 0,36 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Nguồn số 3: nước thải phát sinh từ hệ thống lọc RO cấp nước cho lò hơi điện. Lưu lượng tối đa khoảng 10 m<sup>3</sup>/ngày (không xả thải).

**2. Dòng nước thải đầu nối vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí đầu nối nước thải với khu công nghiệp**

- Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Tân Hương.

- Vị trí xả nước thải: hố ga đầu nối nước thải trên đường N5 của KCN Tân Hương (01 điểm), tọa độ vị trí (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°): X=1158753; Y=566517.

- Lưu lượng xả thải lớn nhất: 80,52 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Phương thức xả nước thải: tự chảy.
- Chế độ xả thải: liên tục (24/24 giờ).
- Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Tân Hương phải đạt thỏa thuận theo Hợp đồng Dịch vụ xử lý nước thải số 20/HĐXLNT-NTT ngày 04/09/2013 giữa Công ty TNHH May mặc King Hamm Industrial với Công ty Cổ phần Nhựa Thành Tân.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

a) Mạng lưới thu gom, xử lý nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ các khu nhà vệ sinh → Xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn → Hồ ga giám sát nước thải → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Tân Hương.

- Nước thải từ quá trình nấu ăn → Xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ nước thải nhà ăn → Hồ ga giám sát nước thải → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Tân Hương.

- Nước thải phát sinh từ hệ thống lọc RO để cấp nước cho lò hơi điện được tái sử dụng, không xả thải.

b) Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Công trình xử lý nước thải sơ bộ (bể tự hoại 3 ngăn, bể tách mỡ nước thải nhà ăn).

+ Công suất: gồm 06 bể tự hoại (với tổng thể tích 87,84 m<sup>3</sup>) và 01 bể tách mỡ nước thải nhà ăn (với thể tích 0,5 m<sup>3</sup>).

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

c) Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: thường xuyên kiểm tra đường ống, để kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn đường dẫn. Trường hợp hầm vệ sinh gặp sự cố thì không sử dụng để khắc phục.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

Công trình xử lý nước thải tại chỗ (bể tự hoại, bể tách mỡ nước thải nhà ăn) không phải thực hiện vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

a) Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCNTân Hương.

b) Về việc tái sử dụng nước thải: thực hiện theo quy định tại Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại khoản 31 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

c) Công ty TNHH May mặc King Hamm Industrial chịu hoàn toàn trách nhiệm thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Tân Hương./.

**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 89 /GPMT-UBND  
ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 01: bụi, khí thải phát sinh từ máy cắt laser số 1.
- Nguồn số 02: bụi, khí thải phát sinh từ máy cắt laser số 2.
- Nguồn số 03: bụi, khí thải phát sinh từ máy cắt laser số 3.
- Nguồn số 04: bụi, khí thải phát sinh từ máy cắt laser số 4.
- Nguồn số 05: bụi, khí thải phát sinh từ máy cắt laser số 5.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**

a) Vị trí xả thải: 01 dòng khí thải tương ứng với ống thải sau hệ thống xử lý khí thải từ các máy cắt laser (nguồn số 1, số 2, số 3, số 4 và số 5); tọa độ vị trí xả thải: theo hệ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°: X=1158766; Y=566639.

b) Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 3.200 m<sup>3</sup>/giờ.

c) Phương thức xả khí thải: xả khí thải gián đoạn (8 giờ/ngày).

d) Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ theo QCVN 19: 2009/BTNMT, cột B ( $K_p = 1$ ,  $K_v = 1$ ), cụ thể như sau:

| STT | Chất ô nhiễm    | Đơn vị tính         | QCVN 19:2009/BTNMT Cột B ( $K_p=1$ , $K_v=1$ ) | Tần suất quan trắc định kỳ                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----|-----------------|---------------------|------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Lưu lượng       | m <sup>3</sup> /giờ | -                                              | Không thuộc đối tượng thực hiện theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 47 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ |
| 2   | Bụi tổng        | mg/Nm <sup>3</sup>  | 200                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 3   | SO <sub>2</sub> | mg/Nm <sup>3</sup>  | 500                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 4   | CO              | mg/Nm <sup>3</sup>  | 1000                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 5   | NO <sub>2</sub> | mg/Nm <sup>3</sup>  | 850                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

a) Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải từ các máy cắt laser (nguồn số 1, số 2, số 3, số 4 và số 5) → Hệ thống đường ống thu gom → Hệ thống xử lý khí thải → Nguồn tiếp nhận.

b) Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Hệ thống xử lý khí thải từ các máy cắt laser.

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: nguồn phát sinh → Ống dẫn → Quạt hút → Thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính → Ống thải.

+ Công suất thiết kế: 3.200 m<sup>3</sup>/giờ.

+ Hóa chất sử dụng: than hoạt tính.

### 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

a) Thời gian vận hành thử nghiệm: từ tháng 05/2025 đến tháng 10/2025.

b) Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải từ máy cắt laser; tọa độ vị trí xả thải: theo hệ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°: X=1158766; Y=566639.

c) Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ theo QCVN 19: 2009/BTNMT, cột B ( $K_p = 1$ ,  $K_v = 1$ ), cụ thể như sau:

| STT | Chất ô nhiễm    | Đơn vị tính         | QCVN 19:2009/BTNMT<br>Cột B ( $K_p=1$ , $K_v=1$ ) |
|-----|-----------------|---------------------|---------------------------------------------------|
| 1   | Lưu lượng       | m <sup>3</sup> /giờ | -                                                 |
| 2   | Bụi tổng        | mg/Nm <sup>3</sup>  | 200                                               |
| 3   | SO <sub>2</sub> | mg/Nm <sup>3</sup>  | 500                                               |
| 4   | CO              | mg/Nm <sup>3</sup>  | 1000                                              |
| 5   | NO <sub>2</sub> | mg/Nm <sup>3</sup>  | 850                                               |

c) Tần suất và vị trí lấy mẫu: thực hiện theo các quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

a) Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

b) Công ty TNHH May mặc King Hamm Industrial chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **89** /GPMT-UBND  
ngày **25** tháng **4** năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: tiếng ồn, độ rung từ khu vực cắt.
- Nguồn số 02: tiếng ồn, độ rung từ khu vực may.
- Nguồn số 03: tiếng ồn, độ rung từ khu vực máy nén khí.
- Nguồn số 04: tiếng ồn, độ rung từ hệ thống xử lý khí thải.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: X=1158813; Y=566629
- Nguồn số 02: X=1158774; Y=566594
- Nguồn số 03: X=1158870; Y=566610
- Nguồn số 04: X=1158766; Y=566639

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $10^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ )

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

a) Tiếng ồn:

| TT | Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA) | Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA) | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú              |
|----|---------------------------|---------------------------|----------------------------|----------------------|
| 1  | 70                        | 55                        | -                          | Khu vực thông thường |

b) Độ rung:

| TT | Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB) |                     | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú              |
|----|----------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------|----------------------|
|    | Từ 6 giờ đến 21 giờ                                            | Từ 21 giờ đến 6 giờ |                            |                      |
| 1  | 70                                                             | 60                  | -                          | Khu vực thông thường |

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

a) Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Khu vực sản xuất được tách riêng với khu vực văn phòng.

- Chân đế, bệ bồn được gia cố bằng bê tông, lắp đệm chống ồn cho máy móc
- Thường xuyên bảo trì máy móc, thay thế phụ tùng cũ, hư hỏng.
- Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên của công nhân; trang bị nút tai, chụp tai chống ồn có hiệu quả.

- Máy phát điện được bố trí khu vực riêng biệt. Thực hiện bao che sử dụng bộ phận giảm thanh, xây tường cách ly. Các máy phát điện phải được kiểm tra sự cân bằng và hiệu chỉnh khi cần thiết. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy phát điện.

b) Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Nền móng đặt máy được xây dựng bằng bê tông; lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su bên dưới máy phát điện để giảm rung.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

a) Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

b) Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 89/GPMT-UBND  
ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

a) Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

| Stt                    | Tên chất thải                                             | Mã chất thải | Trạng thái | Khối lượng (kg/năm) |
|------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------|------------|---------------------|
| 1                      | Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải | 16 01 06     | Rắn        | 50                  |
| 2                      | Pin, ắc quy thải                                          | 16 01 12     | Rắn        | 10                  |
| 3                      | Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải             | 17 02 03     | Lỏng       | 20                  |
| 4                      | Các thiết bị, linh kiện nguy hại khác với các loại trên   | 15 01 09     | Rắn        | 7                   |
| <b>Tổng khối lượng</b> |                                                           |              |            | <b>87</b>           |

b) Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát

| Stt                    | Tên chất thải                                                                                                                                | Mã chất thải | Trạng thái | Khối lượng (kg/năm) |
|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------|---------------------|
| 1                      | Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải                                                                     | 08 02 01     | Rắn/lỏng   | 5                   |
| 2                      | Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa đảm bảo rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải    | 18 01 02     | Rắn        | 8                   |
| 3                      | Bao bì nhựa cứng (đã chứa các chất khí thải ra là CTNH) thải                                                                                 | 18 01 03     | Rắn        | 28                  |
| 4                      | Chất hấp phụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại | 18 02 01     | Rắn        | 17                  |
| 5                      | Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải                                                              | 12 01 04     | Rắn        | 661                 |
| <b>Tổng khối lượng</b> |                                                                                                                                              |              |            | <b>719</b>          |

c) Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Khối lượng phát sinh khoảng 157.757 tấn/năm, bao gồm: vải vụn, ống giấy, chai nhựa, thùng giấy carton, bao bì nhựa, ...

d) Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 150,3 tấn/năm.

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

a) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: thùng chứa.

- Kho lưu chứa:

+ Diện tích kho lưu chứa: 15 m<sup>2</sup>.

+ Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: kết cấu nền bê tông, tường gạch, mái tôn, có gờ chống tràn và dán nhãn. Kho lưu chứa, thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại phải đảm bảo quy định tại khoản 2, 3 của Điều 36 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa: thùng chứa, bao chứa.

- Diện tích kho lưu chứa: 68 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: kết cấu nền bê tông, tường gạch, mái tôn.

c) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Bố trí thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt có nắp đậy dung tích từ 240 lít tại các khu vực văn phòng, nhà ăn và xưởng sản xuất.

- Diện tích kho lưu chứa: 13,5 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: kết cấu nền bê tông, tường gạch, mái tôn.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Đảm an toàn và thực hiện đúng các quy định phòng cháy chữa cháy và các quy định có liên quan./.

**Phụ lục 5**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 89 /GPMT-UBND  
ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.
2. Thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.
3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.
4. Công khai Giấy phép môi trường theo quy định pháp luật, trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
5. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.
6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, an toàn sự cố, phòng cháy chữa cháy,.../.

